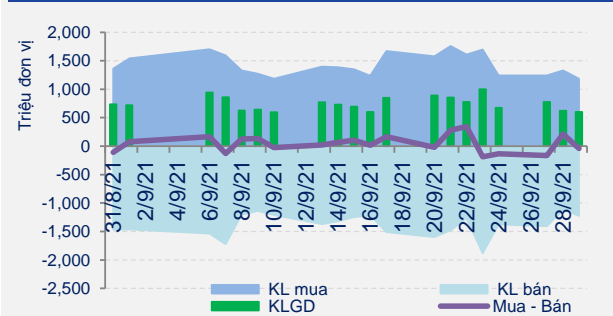
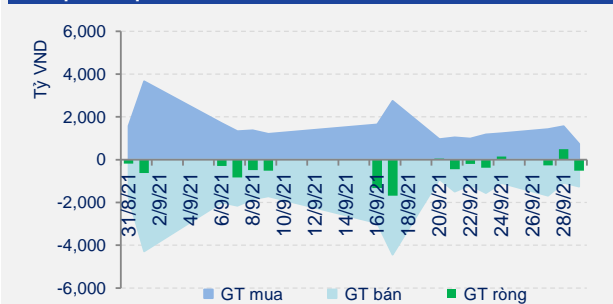


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/9/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,339.21	354.29
% Thay đổi	↓ -0.01%	↓ -0.49%
KLGD (CP)	598,837,641	139,321,029
GTGD (tỷ đồng)	17,271.10	3,086.57
Tổng cung (CP)	1,227,138,500	166,739,100
Tổng cầu (CP)	1,187,192,800	148,414,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	33,076,427	844,640
KL mua (CP)	18,374,400	354,400
GT mua (tỷ đồng)	743.42	8.22
GT bán (tỷ đồng)	1,256.87	28.56
GT ròng (tỷ đồng)	(513.45)	(20.34)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.47%	23.2	3.8	1.3%
Công nghiệp	↑ 0.77%	19.0	3.0	10.4%
Dầu khí	↑ 1.04%	16.4	1.8	4.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.35%	-	4.8	3.9%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.34%	17.6	2.6	1.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.94%	20.7	4.1	6.0%
Ngân hàng	↓ -0.92%	11.4	2.4	20.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.95%	13.0	2.8	23.4%
Tài chính	↓ -0.21%	17.1	3.3	24.4%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.74%	15.5	2.7	5.2%
VN - Index	↓ -0.01%	16.4	2.9	
HNX - Index	↓ -0.49%	19.1	4.3	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường rung lắc mạnh trong phiên hôm nay và kết phiên trong sắc đỏ nhẹ. Cụ thể, VN-Index giảm 0,1 điểm (-0,01%) xuống 1.339,21 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là trung tính với 207 mã tăng, 44 mã tham chiếu, 218 mã giảm. HNX-Index giảm 1,74 điểm (-0,49%) xuống 354,29 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 134 mã tăng, 63 mã tham chiếu, 99 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn giảm nhẹ so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 666 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 17.464 tỷ đồng. Thị trường giao dịch với sắc đỏ trong gần toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhưng lực cầu bắt đáy xuất hiện trong phiên chiều đã thu hẹp đáng kể mức giảm. Nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục là tâm điểm trong bối cảnh mà giá dầu thế giới đang diễn biến theo chiều hướng tăng, nhưng giá cổ phiếu nhóm này lại có sự phân hoá với bên tăng tốt như GAS (+1,8%), POW (+3,8%), PLX (+1,8%)... và bên giảm là các mã PVS (-1,4%), PVD (-0,2%), PSH (-2,2%)... Các cổ phiếu ngành ngân hàng và chứng khoán tiếp tục có một phiên giao dịch tiêu cực với phần lớn đều kết phiên trong sắc đỏ như STB (-2,8%), VPB (-1,2%), SHB (-1,5%), CTG (-1,8%), MBB (-0,7%)...; SSI (-1,2%), VND (-1,4%), HCM (-2,2%), VCI (-1,5%), APG (-5,7%), SHS (-2,2%)... Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu ngành bán lẻ và hàng tiêu dùng tăng giá khá tốt, có thể kể đến như MSN (+3,7%), VNM (+0,3%), MWG (+0,9%)... là trụ đỡ chính của thị trường trong phiên hôm nay. Các cổ phiếu vốn hoá nhỏ tiếp tục bị bán và đồng loạt giảm sàn như DLG (-7%), TDH (-7%), ABS (-6,9%), FTM (-6,8%), TGG (-7%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường giảm rất nhẹ với thanh khoản suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền đang có sự thận trọng và một bộ phận nhà đầu tư đang đứng ngoài quan sát. Khối ngoại quay trở lại bán ròng trên hai sàn với khoảng 530 tỷ đồng phần nào tạo áp lực lên các chỉ số. Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng của VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi một khi chỉ số này vẫn giằng co trong vùng 1.330-1.345 điểm. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 30/9, VN-Index có thể tiếp tục giằng co và rung lắc với vùng kháng cự trong khoảng 1.340-1.345 điểm (MA20) và ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.330 điểm (MA50). Nhà đầu tư đang có tỷ trọng cổ phiếu lớn có thể tiếp tục canh những phiên hồi phục để giảm tỷ trọng. Nhà đầu tư đang có tỷ trọng tiền mặt cao tiếp tục đứng ngoài và quan sát thị trường, chưa nên mua vào ở thời điểm hiện tại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

29/9/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong giảm điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán áp đảo trong cả phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.328,17 điểm. Có thời điểm, chỉ số hồi nhẹ lên trên tham chiếu, với mức cao nhất trong phiên tại 1.340,9 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 0,1 điểm (-0,01%) xuống 1.339,21 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: CTG giảm 550 đồng, VCB giảm 700 đồng, VPB giảm 800 đồng. Ở chiều ngược lại, MSN tăng 5.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giảm điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 352,71 điểm. Có thời điểm chỉ số hồi phục lên sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 356,64 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 1,74 điểm (-0,49%) xuống 354,29 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB giảm 400 đồng, NVB giảm 1.300 đồng, BAB giảm 600 đồng. Ở chiều ngược lại, VCS tăng 5.300 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 512,67 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 14,6 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 105,5 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 45 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 62,7 tỷ đồng tương ứng với 701 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 20,24 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 490 nghìn cổ phiếu. VCS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,6 tỷ đồng tương ứng với 67 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PLC với 6,3 tỷ đồng tương ứng với 160 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,4 tỷ đồng tương ứng với 6,1 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

GDP quý 3/2021 giảm 6.17% so với cùng kỳ năm trước

Theo số liệu vừa được Tổng cục Thống kê công bố thì Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 3/2021 ước tính giảm 6.17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm rất nhẹ với thanh khoản suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền đang có sự thận trọng và một bộ phận nhà đầu tư đang đứng ngoài thị trường.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Sóng hồi b sau đó cũng đã kết thúc vào ngày 20/8 khi VN-Index (-3,3%) giảm mạnh và xuyên thủng hỗ trợ MA20 và MA50.

Và hiện tại là sóng điều chỉnh c với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.180 điểm (sóng c = sóng a = 200 điểm).

Với phiên giảm rất nhẹ hôm nay thì góc nhìn kỹ thuật của VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi. Chỉ số này vẫn đang bị kẹp giữa hai ngưỡng quan trọng là 1.330 điểm (MA50) và 1.340-1.345 điểm (MA20). Nếu có thể vượt qua được vùng 1.340-1.345 điểm (MA20) trong phiên tới thì VN-Index có thể hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý quanh 1.350 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu quanh hỗ trợ trung hạn 1.330 điểm (MA50).

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 30/9, VN-Index có thể tiếp tục giằng co và rung lắc với vùng kháng cự trong khoảng 1.340-1.345 điểm (MA20) và ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.330 điểm (MA50).



TIN TRONG NƯỚC

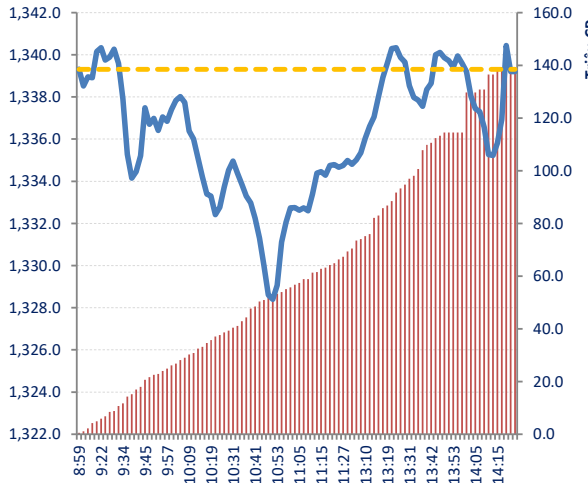
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 56,65 - 57,55 triệu đồng/lượng, giảm 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 10 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 29/9 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.155 VND/USD, tăng 10 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

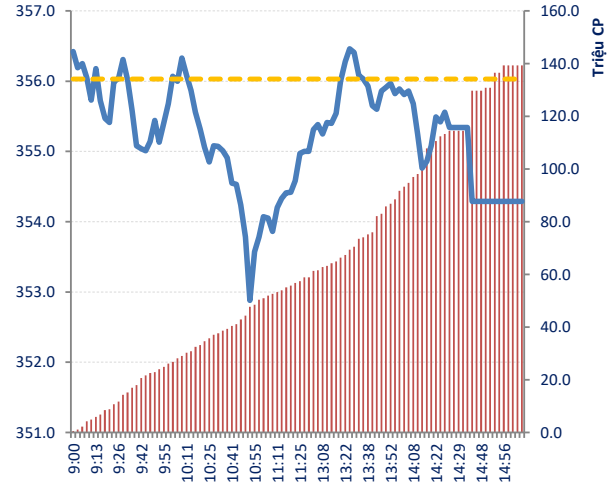
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 5,5 USD/ounce tương ứng với 0,32% lên 1.743 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,022 điểm tương ứng 0,02% lên 93,802 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1670 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3512 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 111,28 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,63 USD/thùng tương ứng với 0,84% xuống 74,66 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm mạnh	Kết thúc phiên giao dịch ngày 28/9, Dow Jones giảm 569,38 điểm tương đương 1,63% xuống 34.299,99 điểm. Nasdaq giảm 423,29 điểm tương đương 2,83% xuống 14.546,68 điểm. Nasdaq Composite giảm 90,48 điểm tương đương 2,04% xuống 4.352,63 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

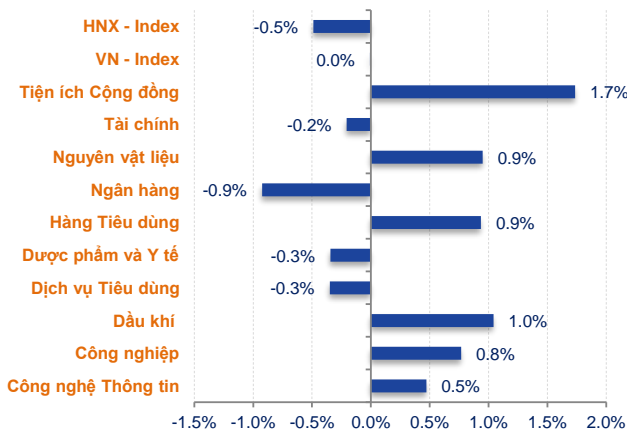
KLGD và VN-Index trong phiên



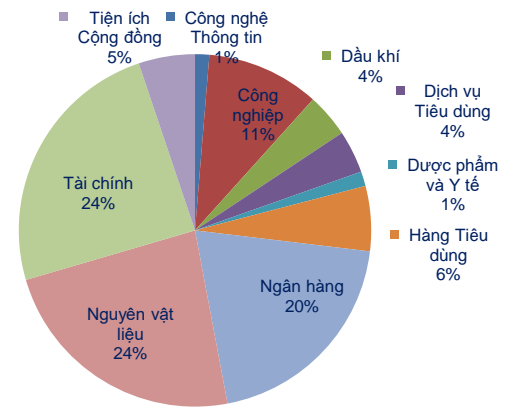
KLGD và HNX-Index trong phiên



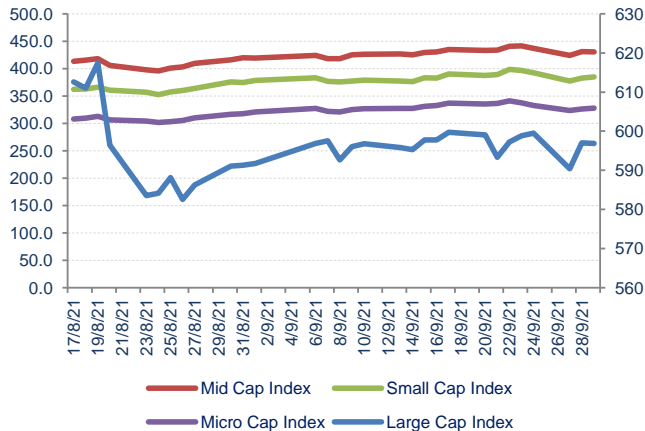
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



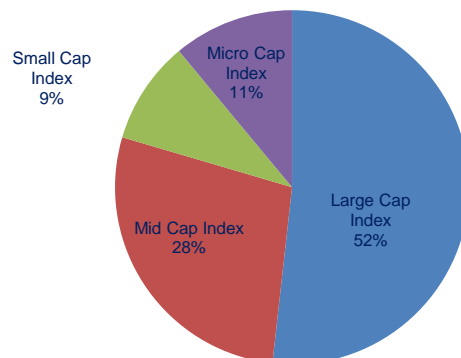
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBB	890,300	HPG	1,984,900
2	VNM	701,100	STB	1,616,400
3	OCB	341,600	CTG	1,468,600
4	VHC	322,300	GEX	1,065,500
5	PLX	292,700	HDB	1,046,800

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DL1	53,300	PLC	160,400
2	BCC	32,300	TDN	95,600
3	BII	29,000	IDJ	80,000
4	NSH	20,800	VCS	67,000
5	AMC	17,000	PGS	50,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	52.60	53.30	↑ 1.33%	35,258,800
POW	11.75	12.20	↑ 3.83%	31,407,160
DLG	4.30	4.00	↓ -6.98%	27,748,600
STB	26.55	25.80	↓ -2.82%	19,961,200
TCH	18.05	17.80	↓ -1.39%	12,156,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVB	28.30	27.00	↓ -4.59%	20,224,003
SHB	26.40	26.00	↓ -1.52%	13,198,727
PVS	28.30	27.90	↓ -1.41%	11,237,638
EVS	31.00	30.80	↓ -0.65%	8,876,901
BII	17.90	16.20	↓ -9.50%	8,858,359

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCG	3.72	3.98	0.26	↑ 6.99%
BFC	30.80	32.95	2.15	↑ 6.98%
DPM	33.15	35.45	2.30	↑ 6.94%
DCM	23.15	24.75	1.60	↑ 6.91%
AGM	33.30	35.60	2.30	↑ 6.91%

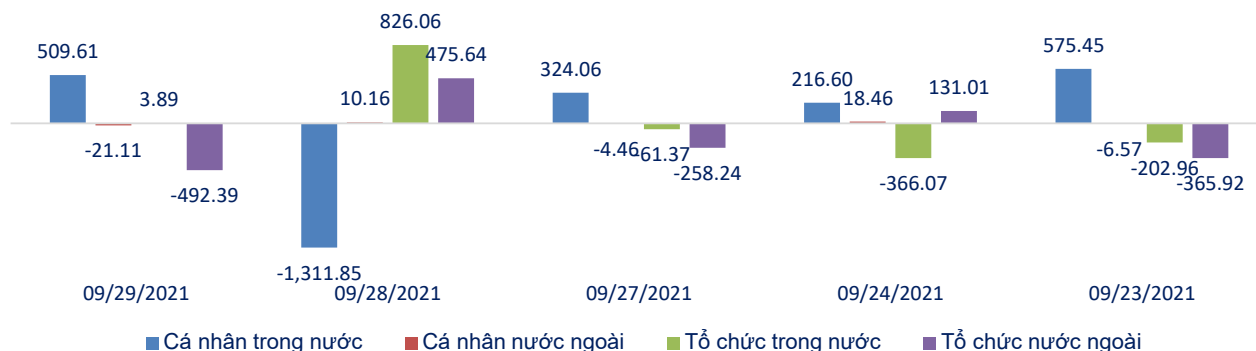
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NBW	21.00	23.10	2.10	↑ 10.00%
CLM	21.00	23.10	2.10	↑ 10.00%
VBC	20.10	22.10	2.00	↑ 9.95%
SDA	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%
PMB	13.20	14.50	1.30	↑ 9.85%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDH	12.15	11.30	-0.85	↓ -7.00%
DLG	4.30	4.00	-0.30	↓ -6.98%
SII	17.95	16.70	-1.25	↓ -6.96%
TGG	56.10	52.20	-3.90	↓ -6.95%
HRC	66.20	61.60	-4.60	↓ -6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSC	21.00	18.90	-2.10	↓ -10.00%
SMT	26.10	23.50	-2.60	↓ -9.96%
VKC	18.50	16.70	-1.80	↓ -9.73%
CAN	36.00	32.50	-3.50	↓ -9.72%
BII	17.90	16.20	-1.70	↓ -9.50%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	209.52	20.9%	3,232	9.2	1.7
HPG	71.20	39.5%	5,614	9.4	3.2
NT2	61.58	8.1%	1,170	18.0	1.5
VIC	53.82	4.5%	1,600	54.1	2.3
NVL	42.68	12.9%	3,258	31.5	3.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-94.17	36.9%	7,781	10.1	3.4
VNM	-65.06	31.9%	5,109	17.5	5.4
VPB	-41.53	22.6%	5,050	13.2	2.7
VCG	-37.67	18.8%	3,413	11.9	2.4
HDG	-29.36	16.1%	4,303	13.3	2.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	5.43	18.5%	3,414	9.1	1.6
VRE	1.70	9.2%	1,195	23.9	2.1
STB	1.52	11.8%	1,907	13.9	1.6
SAB	1.38	22.3%	7,451	21.1	4.5
APG	1.22	13.2%	1,178	15.7	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-5.63	39.5%	5,614	9.4	3.2
GMD	-4.31	6.5%	1,461	33.5	2.1
SSI	-2.77	16.5%	2,076	19.6	3.2
VND	-2.46	34.3%	5,537	9.3	2.8
CNG	-2.27	14.3%	2,628	13.5	2.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	92.05	36.9%	7,781	10.1	3.4
VPB	44.18	22.6%	5,050	13.2	2.7
VCG	38.40	18.8%	3,413	11.9	2.4
HPG	34.45	39.5%	5,614	9.4	3.2
HDG	29.66	16.1%	4,303	13.3	2.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-209.94	20.9%	3,232	9.2	1.7
NT2	-61.61	8.1%	1,170	18.0	1.5
MWG	-37.16	27.0%	6,357	19.9	4.9
FIT	-24.17	3.4%	544	23.0	0.7
DIG	-20.14	14.4%	1,635	19.0	2.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	63.82	31.9%	5,109	17.5	5.4
MBB	25.35	20.1%	2,772	10.1	1.9
VHC	16.63	13.5%	3,956	12.8	1.7
PLX	15.14	15.6%	3,222	15.9	2.4
FTS	12.22	22.7%	3,590	15.3	3.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-100.02	39.5%	5,614	9.4	3.2
CTG	-50.42	18.5%	3,414	9.1	1.6
NVL	-44.08	12.9%	3,258	31.5	3.8
STB	-43.60	11.8%	1,907	13.9	1.6
DGC	-36.58	25.0%	6,239	24.4	5.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	35,258,800	39.5%	5,614	9.4	3.2
POW	31,407,160	3250.0%	1,006	11.7	0.9
DLG	27,748,600	-22.4%	(1,948)	-	0.5
STB	19,961,200	11.8%	1,907	13.9	1.6
TCH	12,156,900	9.3%	1,991	9.1	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVB	20,224,003	1.9%	205	138.0	2.6
SHB	13,198,727	15.7%	2,045	12.9	1.9
PVS	11,237,638	4.4%	1,187	23.8	1.0
EVS	8,876,901	28.0%	3,834	8.1	2.0
BII	8,858,359	2.8%	265	67.6	1.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MCG	↑ 7.0%	-6.0%	(348)	-	0.9
BFC	↑ 7.0%	15.3%	3,262	9.4	1.5
DPM	↑ 6.9%	13.7%	2,915	11.4	1.5
DCM	↑ 6.9%	11.6%	1,431	16.2	1.8
AGM	↑ 6.9%	6.1%	1,483	22.4	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NBW	↑ 10.0%	10.8%	1,641	12.8	1.4
CLM	↑ 10.0%	14.5%	2,508	8.4	1.3
VBC	↑ 10.0%	20.7%	3,662	5.5	1.2
SDA	↑ 9.9%	2.7%	199	50.7	1.4
PMB	↑ 9.8%	9.3%	1,129	11.7	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	890,300	20.1%	2,772	10.1	1.9
VNM	701,100	31.9%	5,109	17.5	5.4
OCB	341,600	23.3%	3,062	7.8	1.7
VHC	322,300	13.5%	3,956	12.8	1.7
PLX	292,700	15.6%	3,222	15.9	2.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DL1	53,300	1.8%	198	52.5	0.9
BCC	32,300	8.9%	1,524	12.3	1.1
BII	29,000	2.8%	265	67.6	1.7
NSH	20,800	3.7%	433	38.1	1.4
AMC	17,000	17.8%	3,083	7.9	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	367,921	20.6%	5,533	17.9	3.5
VHM	341,818	36.9%	7,781	10.1	3.4
VIC	329,151	4.5%	1,600	54.1	2.3
HPG	235,276	39.5%	5,614	9.4	3.2
VNM	186,633	31.9%	5,109	17.5	5.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	79,520	33.9%	6,555	34.7	13.9
SHB	50,835	15.7%	2,045	12.9	1.9
VCS	19,808	42.1%	10,726	11.5	4.7
BAB	16,946	7.8%	876	25.7	2.0
IDC	15,240	11.3%	1,683	30.2	3.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.93	22.7%	3,590	15.3	3.1
CTS	2.76	19.5%	2,677	10.3	1.8
ROS	2.47	3.1%	326	16.3	0.5
FLC	2.39	15.4%	2,364	4.6	0.8
AGR	2.37	10.2%	1,004	16.4	1.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSI	2.92	2.9%	300	43.0	1.2
APS	2.79	22.8%	2,013	10.0	1.9
WSS	2.47	8.7%	885	12.5	1.0
ART	2.42	0.3%	32	316.3	0.9
BTS	2.39	1.1%	120	90.5	0.9



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
